TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 78/2017/ST-DS
Ngày: 07/11/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chín và ông Lê Hoàng Phúc

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm Sát Viên

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 07 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2017/TLST-DS, ngày 17 tháng 7 năm 2017, về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1962, nơi cư trú: Số nhà 33, đường số 7, tổ 9, thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1965, nơi cư trú: Số nhà 51, đường số 7, tổ 9, thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm:

1958, nơi cư trú: Số nhà 33 đường số 7, tổ 9, thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà T, ông N; vắng mặt bà H không có lý do.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Minh T trình bày: Chị và chị Đoàn Thị H có quan hệ hàng xóm, chị H có khó khăn, nên hỏi mượn tiền; ngày 06/7/2016, chị cho chị Đoàn Thị H mượn 10.000.000đồng với thời hạn 1 tháng, việc mượn tiền có viết giấy. Quá thời hạn hẹn trả, chị H không trả lại số tiền đã mượn của chị và bỏ nhà đi đến nay. Số tiền chị đưa cho chị H mượn là tài sản chung của chị với anh Nguyễn Văn N, do chị vay Ngân hàng để đưa cho chị H, chị yêu cầu chị H phải trả lại cho vợ chồng chị số tiền theo đơn khởi kiện và tiền lãi tính từ ngày làm đơn đến nay theo lãi suất của Ngân hàng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh là chồng của chị Nguyễn Thị Minh T, anh thống nhất theo lời khai của chị Nguyễn Thị Minh T.

Kết quả xác minh tại Công an xã Đ, huyện Đ như sau:

- Chị Đoàn Thị H, sinh năm: 1965, nơi cư trú: Số nhà 51, đường số 7, tổ 9, thôn 3, xã Đ, huyện Đ hiện nay có hộ khẩu thường trú tại đại phương. Theo hồ sơ quản lý tại địa phương chị H hiện tại không có chồng. Chị H đã bỏ đi khỏi đại phương gần 1 năm và không thông báo chỗ ở mới cho chính quyền địa phương, cũng như cho chị T và anh N biết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của của Bộ luật TTDS. Nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà H.

Về nội dung vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Minh T và chị Đoàn Thị H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của tại phiên tòa đã thể hiện chị H đã vay của chị T 10.000.000đồng, thời hạn trả là 1 tháng, quá một tháng chị H không trả tiền, nên theo quy định tại điều 474,476 của BLDS 2005, đề nghị HĐXX buộc chị H phải trả cho chị T và anh N 10.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng từ ngày quá hạn trả tiền đên nay.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1}Về thủ tục tố tụng**:** Trong đơn khởi kiện**,** giấy vay mượn tiền nguyên đơn cung cấp cho Tòa án xác định địa chỉ của chị Đoàn Thị H tại tổ 9, thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Đồng thời qua xác minh tại công an xã Đ thì chị H có đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Tuy nhiên chị H đã bỏ đi khỏi địa phương gần 1 năm, không trình báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương. Theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng chị Đoàn Thị H vẫn vắng mặt, không tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b, Khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị H.

{2}Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của chị T và anh N

{2.1} Theo đơn khởi kiện và chứng cứ do chị T cung cấp, lời khai của chị T và anh N trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thì ngày 06/7/2016 chị T cho chị H mượn 10.000.000đồng. Hợp đồng vay tài sản được các bên ký kết trước ngày bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, nên theo quy định tại điều 688 của BLDS 2015 phải áp dụng Bộ Luật dân sự 2005 để giải quyết.

{2.2} Mặc dù chị T ,anh N và đại diện Viện kiểm sát đều có đề nghị Hội đồng xet xử buộc chị H phải trả cho chị T và anh N khoản nợ gốc 10.000.000đồng và nợ lãi từ ngày quá hạn trả nợ cho đến nay theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên tại khoản 4 Điều 474 của BLDS năm 2005 đã quy định: " …*4/ Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận*". Đối chiếu quy định của điều luật đã viện dẫn với chứng cứ là bản chính giấy mượn tiền, lập ngày 06/7/2016 do chị T nộp tại phiên Tòa thấy rằng, trong nội dung giấy mượn tiền không thể hiện có sự thỏa thuận về việc trả tiền lãi nếu bên vay không trả tiền đúng hạn. Vì vậy không có căn cứ để buộc chị H phải trả cho chị T và anh N khoản nợ lãi từ ngày chậm trả tiền gốc cho đến nay như đề nghị của chị T, anh N, và đại diện Viện kiểm sát nêu trên, mà chị H chỉ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị T và anh N khoản nợ gốc là đúng quy định của pháp luật.

{3} Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Đoàn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả.

Chị T phải chịu án phí về phần lãi không được Tòa án chấp nhận.

{4} Về áp dụng án lệ: Nghiên cứu 10 bản án lệ được Tòa án nhân dân Tối cao công bố năm 2016, không có bản án nào tương tự như vụ án đang xét xử, nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành để xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 468, Điều 688 của Bộ Luật dân sự 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP ngày 28/10/2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T

1/ Buộc chị Đoàn Thị H phải trả cho chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Văn N số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng

2/ Bác một phần đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh T về số tiền lãi 700.000đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Ngọc N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chị Đoàn Thị H phải trả nêu trên, thì chị Đoàn Thị H phải chịu lãi suất 10% / năm, tương ứng với số tiền còn phải thi hành án và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3/ Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng án phí DSST.

Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0013138 ngày 17/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị T đã nộp đủ án phí DSST.

4/ Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Nguyễn Thị Minh T, anh Nguyễn Ngọc N biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (07/11/2017), chị Đoàn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện Đ,
-Chi cục THA dân sự huyện Đ,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Ngọc Thuận